



CÔNG TY CP KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 2 HẢI PHÒNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Địa chỉ: Tổ dân phố 3 Do Nha, Phường Tân Tiến, Quận An Dương, TP Hải Phòng  
Điện thoại: 02253.871.589

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 40-25 /HP2-PTN

1. Tên mẫu: Nước ăn uống, sinh hoạt
2. Địa điểm lấy mẫu: **Mẫu 1:** Vòi cấp nước ra mạng lưới tại Công ty  
**Mẫu 2:** Vòi lấy mẫu tại khu công nghiệp Nomura  
**Mẫu 3:** Số 405 đường 5/4 Hùng Vương  
**Mẫu 4:** Trường mầm non Nam Sơn
3. Ký hiệu mẫu: 0725.11/22; 0725.11/23; 0725.11/24; 0725.11/25
4. Ngày lấy mẫu: 16/07/2025
5. Kết quả thử nghiệm:

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị     | Phương pháp thử   | QCDP<br>02:2023/TPHP | Kết quả             |                     |                     |                     |
|----|--------------|------------|-------------------|----------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
|    |              |            |                   |                      | Mẫu 1<br>0725.11/22 | Mẫu 2<br>0725.11/23 | Mẫu 3<br>0725.11/24 | Mẫu 4<br>0725.11/25 |
| 1  | *Màu sắc     | mg/L<br>Pt | TCVN<br>6185:2015 | 15                   | <5                  | <5                  | <5                  | <5                  |
| 2  | *Mùi vị      |            | L.GC-<br>M01:2019 | KPHĐ                 | KPHĐ                | KPHĐ                | KPHĐ                | KPHĐ                |
| 3  | *Độ đục      | NTU        | SMEWW<br>2130B    | ≤2                   | <0.1                | 0.20                | 0.18                | 0.24                |
| 4  | *pH          |            | TCVN<br>6492:2011 | 6-8.5                | 6.95                | 0.92                | 0.90                | 0.86                |
| 5  | *Độ cứng     | mg/L       | TCVN<br>6224:1996 | ≤300                 | 120                 | 122                 | 118                 | 120                 |
| 6  | *Clorua      | mg/L       | TCVN<br>6194:1996 | ≤250                 | 25.53               | 24.82               | 25.17               | 25.53               |
| 7  | *Sắt         | mg/L       | SMEWW<br>3500Fe B | ≤0.3                 | <0.04               | <0.04               | <0.04               | <0.04               |
| 8  | *Mangan      | mg/L       | TCVN<br>6002:1995 | ≤0.1                 | <0.03               | <0.03               | <0.03               | <0.03               |
| 9  | *Nitrat (-N) | mg/L       | TCVN<br>6180:1996 | ≤2                   | 0.75                | 0.75                | 0.76                | 0.77                |
| 10 | *Nitrit (-N) | mg/L       | TCVN<br>6178:1996 | ≤0.05                | <0.01               | 0.01                | 0.01                | 0.01                |

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của PTN.



CÔNG TY CP KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 2 HẢI PHÒNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Địa chỉ: Tổ dân phố 3 Do Nha, Phường Tân Tiến, Quận An Dương, TP Hải Phòng  
Điện thoại: 02253.871.589

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị       | Phương pháp thử                 | QCDP<br>02:2023/TPHP | Kết quả             |                     |                     |                     |
|----|--------------|--------------|---------------------------------|----------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
|    |              |              |                                 |                      | Mẫu 1<br>0725.11/22 | Mẫu 2<br>0725.11/23 | Mẫu 3<br>0725.11/24 | Mẫu 4<br>0725.11/25 |
| 11 | *Clo dư      | mg/L         | Hach 8021                       | 0.2 - 1              | 0.79                | 0.70                | 0.68                | 0.60                |
| 12 | *Sunfat      | mg/L         | SMEWW<br>4500 SO <sub>4</sub> E | ≤250                 | 21.47               | 21.42               | 20.44               | 20.45               |
| 13 | Coliform     | VK/<br>100mL | SMEWW<br>9222B                  | <3                   | 0                   | 0                   | 0                   | 0                   |
| 14 | Ecoli        | VK/<br>100mL | SMEWW<br>9222D                  | <1                   | 0                   | 0                   | 0                   | 0                   |

Ghi chú: (\*) Những phép thử được công nhận ISO/IEC 17025:2007.

QCDP 02:2023/TPHP: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

KPH: không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện, KPHĐ: không có mùi vị lạ.

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2025

TM. THỬ NGHIỆM VIÊN



Mai Phương Thảo



QUẢN LÝ PTN

*Signature*

Vũ Thị Thu Thủy



PHÓ GIÁM ĐỐC

*Signature*

Nguyễn Văn Thuận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của PTN.